TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày 20 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình.

2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 600/2024/TLST–DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S.

Địa chỉ: Số 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông K NAPAT, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Văn S (theo Giấy ủy quyền số 94/2023/UQ-SVN ngày 15/10/2023).

Địa chỉ: 202 Lê Duẩn, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 10/12/2024; và có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 14/4/2024. Công ty hoạt động nhiều lĩnh vực, trong đó có cầm cố tài sản.

Ngày 08/5/2024, Công ty cổ phần S - Chi nhánh Ninh Thuận - Ninh Sơn 1 với bà Phạm Thị Minh H có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: 9NM240502002NA22X, loại hợp đồng cầm xe mượn lại xe, phụ lục hợp đồng cầm cố và Phiếu đăng ký cầm cố xe máy như sau:

bà H cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85B1-941.10, số khung RLHJK0316NY574758, số máy JK03E2579118, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 004597 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà H ngày 14/10/2022 để nhận số tiền là 18.244.680 đồng.

Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Thời hạn cầm cố 12 tháng, với mức lãi suất cố định 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Thanh toán định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) là 1.683.109 đồng vào ngày 08 hàng tháng từ tháng 6/2024 đến tháng 5/2025.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5%/ tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền.

Phí tổ chức kiểm tra giá trị tài sản ban đầu: 1.094.680 đồng (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng, công ty đã nhận số tiền trên).

Phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm: 150.000 đồng (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng, công ty đã nhận số tiền trên).

Phí trả nợ trước hạn: 7% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn (thu khi khách hàng có nguyện vọng muốn trả nợ trước hạn).

Phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ với mức phí: 8% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn.

Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Trong trường hợp nghĩa vụ vi phạm là nghĩa vụ thanh toán đúng hạn là khách hàng sẽ thanh toán giá trị phạt vi phạm bằng 8% tổng số tiền gốc theo kỳ mà khách hàng chưa thanh toán tại thời điểm áp dụng quy định phạt vi phạm này.

Công ty S nhận tài sản bảo đảm là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85B1-941.10 của bà H đã tiến hành đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng, số đăng ký 1526300573.

Ngày 08/5/2024, bà H đã có văn bản ủy quyền cho Công ty TNHH S Việt Nam - Chi nhánh Phan Rang được thực hiện các nội dung ủy quyền trong đó có nội dung: Công ty TNHH S Việt Nam - Chi nhánh Phan Rang được thay mặt bà H quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, cho mượn…) tài sản bảo đảm. Và cùng ngày Công ty TNHH S Việt Nam - Chi nhánh Phan Rang và bà H đã ký giấy mượn xe thỏa thuận cho bà H mượn lại đối với xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85B1-941.10 là tài sản mà bà H đã cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: 9NM240502002NA22X ngày 08/5/2024. Thời hạn mượn xe 30 ngày từ ngày 08/5/2024 đến 22/9/2023. Phí mượn xe xe là 985.212 đồng/tháng. Trường hợp thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 456.117 đồng/tháng. Phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố xe máy: 1.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên bà H đã thanh toán được 2 kì tổng số tiền bao gồm gốc, lãi, phí trễ hạn và phí thuê tài sản là 5.419.000 đồng cụ thể như sau: tiền gốc là 2.804.647 đồng, lãi suất 386.079 đồng, phí quản lý hồ sơ là 175.490 đồng, phí mượn xe 1.970.425 đồng; lãi quá hạn 82.355 đồng. Sau đó, bà H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S mặc dù được nhắc nhở nhiều lần. Do bà H thực hiện không đúng nghĩa vụ cam kết nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Phạm Thị Minh H phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 85B1-941.10, loại xe: Honda VISION số khung: RLHJK0316NY574758, số máy: JK03E2579118, theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty S số 9NM240502002NA22X ngày 08/5/2024. Trường hợp bà H không trả lại xe cầm cố buộc bà H thanh toán số tiền gốc, lãi và phí là 19.233.734 đồng tính đến ngày 26/11/2024 cho Công ty và còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Công ty S không yêu cầu bà H phải trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 85B1-941.10, hiệu Honda loại xe VISION là tài sản bảo đảm cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty cổ phần S. Không yêu cầu bà H phải trả các khoản phí phát sinh chưa thanh toán theo hợp đồng đã ký kết là Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe.

Buộc bà Phạm Thị Minh H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 20/5/2025 là 17.618.655 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 15.440.033 đồng, nợ lãi trong hạn: 956.354 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.222.268 đồng. Kể từ ngày tiếp theo bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Sau khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại bà H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 004597 do Phòng cảnh

sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Phạm Thị Minh H và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Minh H: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu bị đơn trả lại tài sản cầm cố là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85B1-941.10 đã mượn và các khoản phí phát sinh chưa thanh toán theo Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe; không buộc bà Phạm Thị Minh H phải trả số tiền chưa thanh toán gồm tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi căn cứ theo quy định tại Điều 244 của BLTTDS.

[1.2] Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền vay đã nhận khi cầm cố tài sản và trả lại xe đã mượn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn cư trú tại phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến

tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: 9NM240502002NA22X (mục đích cầm cố tài sản: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh), phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy (để vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản), Giấy ủy quyền, Giấy mượn xe, văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm số đăng ký 1526300573, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 08/5/2024, giữa Công ty S và bà Phạm Thị Minh H có thỏa thuận và ký kết hợp đồng về việc vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85B1-941.10, để vay số tiền là 18.244.680 đồng (bút lục số 29, 30, 31, 32), Công ty S đã giao tiền (hình thức chuyển khoản) và bà H đã nhận đủ số tiền trên. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và bà H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định Hợp đồng hợp pháp là cơ sở giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện các hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Công ty S được 4 kì, tổng số tiền là 5.419.000 đồng cụ thể như sau: tiền gốc là 2.804.647 đồng, lãi suất 386.079 đồng, phí quản lý hồ sơ là 175.490 đồng, phí mượn xe 1.970.425 đồng; lãi quá hạn 82.355 đồng. Sau đó bà H không thanh toán khoản tiền nào cho Công ty S. Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù được Công ty S nhắc nhở nhiều lần, vi phạm Hợp đồng đã ký bà H là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 20/5/2025, bà H còn nợ Công ty S số tiền là 17.618.655 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 15.440.033 đồng, nợ lãi trong hạn: 956.354 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.222.268 đồng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, bà H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty S các khoản tiền trên.

[2.3] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với tài sản cầm cố là xe máy hiệu HONDA, số loại VISION biển số 85B1-941.10 và các khoản phí chưa thanh toán mà Công ty S và bà H đã ký tại Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe do Công ty S không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận ý kiến của Công ty S về việc sau khi bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại cho bà H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 004597 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà H và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà H đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 357, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

2. Buộc bà Phạm Thị Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền tính đến ngày 20/5/2025 là 17.618.655 đồng (mười bảy triệu sáu trăm mười tám nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc: 15.440.033 đồng, nợ lãi trong hạn: 956.354 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.222.268 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/5/2025) bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất Công ty cổ phần S và bà H thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi bà Phạm Thị Minh H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S có nghĩa vụ giao trả cho bà H Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 004597 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Phạm Thị Minh H ngày 14/10/2022 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Phạm Thị Minh H phải chịu 880.932 đồng (tám trăm tám mươi nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần S số tiền 481.000 đồng (bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004126 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2025). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệu